

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23/5/2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 79/2022/TLST - DS ngày 24 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Dũng S, sinh năm 1965.

Nơi ĐKKHKT: Số 10, ngõ Đoan H, phường Ba Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 178 Tịch Đ, phường Ba Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Đào Tuấn K, sinh năm 1959.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số 10, ngõ Đoan H, phường Ba Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đào Thị Xuân T, sinh năm 1939.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số 18, phố T, phường Phúc X, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Lê Ngọc A, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 18, phố T, phường Phúc X, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội.

+ Bà Đào Thị H, sinh năm 1959.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: 34 Tô Hiến T, phường Trường S, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

+ Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1961.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số 10, ngõ Đoan H, phường Ba Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hàng thừa kế:

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Đào Văn L - sinh năm 1913, chết ngày 20/7/1985 theo Giấy chứng tử số 29/2015 do UBND phường Ba Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/6/2015, gồm:

- Bà Đào Thị Xuân T, sinh năm 1939.
- Ông Đào Tuấn K, sinh năm 1959.
- Bà Đào Thị H, sinh năm 1959.
- Ông Đào Dũng S, sinh năm 1965.
- Bà Lê Thị D, sinh năm 1922 (chết năm 2020). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà D: Ông Đào Dũng S, ông Đào Tuấn K, bà Đào Thị H.

Hàng thừa kế thứ nhất bà Lê Thị D - sinh năm 1922, chết ngày 13/10/2020 theo Trích lục khai tử số 231/TLKT-BS do UBND phường Ba Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 19/5/2021 gồm:

- Ông Đào Tuấn K, sinh năm 1959.
- Bà Đào Thị H, sinh năm 1959.
- Ông Đào Dũng S, sinh năm 1965.

(Ông L và bà D không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông bà không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào. Cha mẹ ruột của ông L, bà D đã chết trước ông L, bà D).

Ông Đào Văn L và bà Lê Thị D trước khi chết không để lại di chúc.

2.2. Di sản thừa kế gồm:

Di sản thừa kế do ông Đào Văn L và bà Lê Thị D để lại là: Quyền sử dụng 135m² đất, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 07, địa chỉ thửa đất: số 10, ngõ Đoan H, phường Ba Đ, thành phố Thanh Hóa, được UBND thành phố Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 957883 ngày 13/8/2004 mang tên bà Lê Thị D, trị giá: 2.025.000.000 đồng.

Công trình xây dựng trên đất gồm: một nhà ba tầng, kết cấu bê tông cốt thép, xây gạch chi D110 kết hợp 220, vệ sinh khép kín, điện nước đầy đủ, diện tích xây dựng 72,6m², diện tích sàn 217,8 m², do vợ chồng ông bà Đào Tuấn K, Phạm Thị H1 xây dựng năm 2004, trị giá 704.487.000 đồng. Ông K và bà H1 thống nhất giao lại toàn bộ tài sản gắn liền với đất nêu trên cho ông K sở hữu, sử dụng.

2. 3. Các đồng thừa kế thống nhất chia si sản của ông Đào Văn L và bà Lê Thị D như sau:

Di sản của ông Đào Văn L để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất nêu trên = 67,5 m², trị giá 1.012.500.000 đồng.

Do ông Đào Văn L chết năm 1985, các bên đương sự đều yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế do ông L để lại. Cho đến nay thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của ông L để lại đã hết nên bà Đào Thị Xuân T, bà Đào Thị H, ông Đào Tuấn K, ông Đào Dũng S không yêu cầu chia phần tài sản của ông L để lại mà giao phần tài sản 67,5 m² đất, trị giá 1.012.500.000 đồng này lại cho ông Đào Tuấn K là người hiện nay đang quản lý tài sản của ông L quyền sở hữu, sử dụng theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự.

Di sản của bà Lê Thị D là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất nêu trên = 67,5 m² đất, trị giá 1.012.500.000 đồng.

Đối với di sản do bà Lê Thị D để lại các bên đương sự yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và được chia đều cho 03 kỹ phần gồm: ông Đào Tuấn K, ông Đào Dũng S, bà Đào Thị H, mỗi phần là: $67,5\text{m}^2 : 3 = 22,5\text{m}^2$, trị giá 337.500.000 đồng.

Bà Đào Thị H, ông Đào Dũng S đồng ý tặng cho toàn bộ kỹ phần thừa kế được hưởng từ bà Lê Thị D cho ông Đào Tuấn K và ông K cũng đồng ý nhận. Vì vậy, phần diện tích đất của ông K được hưởng thừa kế theo pháp luật là 67,5 m², trị giá 1.012.500.000 đồng.

Như vậy ông Đào Tuấn K được quyền sử dụng, sở hữu diện tích đất có diện tích đo đạc thực tế là 135 m², tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số 07, địa chỉ thửa đất: số 10, ngõ Đoan H, phường Ba Đ, thành phố Thanh Hóa, đã được UBND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 957883 ngày 13/8/2004 mang tên bà Lê Thị D trị giá: 2.025.000.000 đồng và toàn bộ công trình xây dựng trên đất.

Ông Đào Tuấn K không phải thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho ông Đào Dũng S, bà Đào Thị Xuân T, bà Đào Thị H, bà Phạm Thị H1.

Ông Đào Tuấn K được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và ghi nhận tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đối với nhà, đất được giao trên.

2.4. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 3.000.000 đồng, ông Đào Tuấn K tự nguyện chịu (đã tạm ứng và chi phí xong).

2.5. Về án phí:

Ông Đào Tuấn K được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đào Dũng S không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001748 ngày 23/3/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Phương